

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 3 năm 2025

Về việc: *Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về chia tài sản chung*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Văn Huân và bà Lê Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Diệp Linh – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Hủy kết hôn trái pháp luật và tranh chấp về chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Xuân L, sinh năm 1969.

Bị đơn: Bà Hoàng Tố U, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Đ – Chức vụ: Chủ tịch.

Các đương sự đều vắng mặt, có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn ông Phạm Xuân L trình bày:

Ông và bà Hoàng Tố U tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/9/1992 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái. Thời điểm đăng ký kết hôn bà Hoàng Tố U chưa đến 18 tuổi nhưng vì thiếu hiểu biết pháp luật nên ông và bà U đã đi đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24 ngày 06-9-1992. Ông và bà U chung sống hoà thuận đến năm 2003 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên đánh cãi

chửi nhau, sau đó bà U đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình. Ông và các con đã khuyên giải, mong muốn bà về gần nhà để làm ăn nhưng bà không đồng ý. Đến đầu năm 2025 mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, ông và bà U xảy ra xô xát, đánh chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hoà giải nhưng bà U vẫn không thay đổi. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng đã hết, ông yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông và bà Hoàng Tố U.

Về nuôi con: Ông và bà Hoàng Tố U có 02 con là Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 18-6-1994 và Phạm Đức M, sinh ngày 20-5-2000. Cả hai con đều đã đủ tuổi trưởng thành, đã có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về chia tài sản chung:

Ông và bà U có 01 thửa đất, diện tích 77m², địa chỉ thửa đất tại thôn E, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái, đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01454 ngày 10-8-2001, đất được cấp cho hộ ông Phạm Xuân L, mục đích sử dụng là đất ở, có giá trị ước tính là 200.000.000 đồng.

Tài sản trên đất là 01 ngôi nhà 2 tầng diện tích xây dựng mỗi sàn là 76,9m², nhà xây dựng năm 2013, sau khi trừ khấu hao, giá trị ước tính còn lại là 400.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung là 600.000.000 đồng.

Ông đề nghị Toà án giải quyết cho ông được sở hữu toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở nêu trên. Ông có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho bà U là 300.000.000 đồng.

Ngày 25/02/2025 ông Phạm Xuân L có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hoàng Tố U trình bày: Bà và ông Phạm Xuân L tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại UBND xã Đ, huyện L. Sau khi kết hôn bà và ông L chung sống hoà thuận, không có mâu thuẫn gì. Vì công việc buôn bán làm ăn nên bà thường phải xa nhà nhưng ông L không thông cảm, không khuyên giải bà mà lại yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn nên bà không đồng ý.

Về nuôi con: Bà U xác nhận bà và ông L có 02 con là Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 18-6-1994 và Phạm Đức M, sinh ngày 20-5-2000. Hiện các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Bà không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của ông L và không trình bày gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái, người đại diện theo pháp luật ông Hoàng Văn Đ – Chức vụ: Chủ tịch có ý kiến như sau: Qua kiểm tra tài liệu lưu trữ thì hiện UBND xã Đ không còn lưu trữ tài liệu liên quan đến việc đăng ký kết hôn của công

dân năm 1992. Sau khi được tiếp cận chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 06/9/1992 do đương sự cung cấp thì UBND xã Động Quan xác nhận đúng là tài liệu do UBND xã Đ phát hành. Ủy ban nhân dân xã Đ nhận thấy việc đăng ký kết hôn giữa ông Phạm Xuân L và bà Hoàng Tố U là trái quy định của pháp luật. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà Phạm Tố U1 chưa đến 18 tuổi, đối chiếu với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 là vi phạm quy định về điều kiện kết hôn. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã Đ đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các khoản 1, 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217; khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 5; Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm ; Điều 3; Điều 8; Điều 11; Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, 218 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Xuân L về việc huỷ kết hôn trái pháp luật.

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Phạm Xuân L và bà Phạm Tố U1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 06 tháng 9 năm 1992 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái.

2. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung giữa ông Phạm Xuân L và bà Hoàng Tố U.

3. Về án phí: Ông Phạm Xuân L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc huỷ kết hôn trái pháp luật. Trả lại cho ông Phạm Xuân L tiền tạm ứng án phí dân sự về việc chia tài sản chung.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về hôn nhân và gia đình, bị đơn bà Hoàng Tố U có hộ khẩu thường trú tại thôn E, xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn ông Phạm Xuân L, bà Hoàng Tố U có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm Xuân L và bà Hoàng Tố U kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ như bản tự khai, căn cước công dân của bà Hoàng Tố U xác định bà sinh ngày 29/12/1976. Ngày 06/9/1992 bà Hoàng Tố U đăng ký kết hôn với ông Phạm Xuân L thì thời điểm kết hôn bà U mới 15 tuổi 08 tháng 08 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Theo ông L, quá trình chung sống ông và bà U có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Theo bà U, quá trình chung sống bà và ông L không có mâu thuẫn nên bà không đồng ý ly hôn, nhưng bà không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm. Ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu Toà án huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Do đó, căn cứ theo điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Phạm Xuân L và bà Hoàng Tố U.

[3] Về nuôi con: Ông Phạm Xuân L và bà Hoàng Tố U đều xác nhận ông bà có 02 con là Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 18/6/1994 và Phạm Đức M, sinh ngày 20/5/2000. Hiện các con đều đã trưởng thành ông bà đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Ông Phạm Xuân L có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung. Xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn là tự nguyện, bị đơn không có ý kiến nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung.

[5] Về án phí: Ông Phạm Xuân L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc huỷ kết hôn trái pháp luật và được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản chung đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 5; Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 6; Căn cứ khoản 6 Điều 3; Điều 8; Điều 11; Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Xuân L về việc huỷ việc kết hôn trái pháp luật.

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Phạm Xuân L và bà Hoàng Tố U theo giấy chứng nhận kết hôn số 24, ngày 06 tháng 9 năm 1992 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái.

2. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung giữa ông Phạm Xuân L và bà Hoàng Tố U. Các đương sự có quyền khởi kiện lại yêu cầu về chia tài sản chung khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Ông Phạm Xuân L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc huỷ kết hôn trái pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp và trả lại cho ông Phạm Xuân L 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung theo biên lai thu số AA/2023/0001969 ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Xuân L và bà Hoàng Tố U được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Yên Bái có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- Chi cục THADS H. Lục Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Động Quan;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Thu Hương

